

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/DS-ST

Ngày: 26 – 11 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quốc Khuyên

2. Ông Danh Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208A/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Địa chỉ: 41 và 45 L, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sơn Ngọc N. Chức vụ: Quyền Giám đốc PGD P.

Địa chỉ: 227, ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Sơn Ngọc N ủy quyền lại cho:

Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1987. Chức vụ: Trưởng nhóm thu hồi nợ khu vực – Trung tâm xử lý nợ; Địa chỉ: 442 T, khóm 2, phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1986. Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ hiện trường; Địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn*: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Hộ khẩu thường trú: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: ấp MA, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Ông H vắng mặt, bà T có mặt*)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Anh Lê Văn B, sinh năm 1986 và chị Lê Thị Th, sinh năm 1988; (*Vắng mặt*)

3.2. Anh Lê Mộng K, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*)

Hộ khẩu thường trú: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: ấp MA, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày:*

Vào ngày 02/6/2016, Ngân hàng TMCP P - Phòng giao dịch Phước Long và ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng khách hàng cá nhân số 056/016/HĐTD-CN cho ông H và bà T vay số tiền gốc 300.000.000 đồng, với mức lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Thỏa thuận trả nợ gốc hàng tháng theo lịch trả nợ, trả nợ lãi vào ngày 04 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông H và bà T đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 056/2016/BĐ ngày 02/6/2016, tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 30, tờ bản đồ số 30, diện tích 300,2m² đất ở tại nông thôn, tọa lạc ấp Mỹ II A, xã V, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 023147 và Quyền sử dụng đất thửa đất số 29, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.307,9m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Mỹ II A, xã V, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 023146 do UBND huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị T. Ông H và bà T đã nhận đủ tiền vay theo khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 021/2017-QCB/KUNN-CN ngày 04/6/2016. Sau khi vay, thì ông H và bà T có trả cho Ngân hàng được số tiền gốc 115.600.000 đồng, tiền lãi 97.126.529 đồng (trong đó tiền lãi chậm trả là 14.473.585 đồng), tổng cộng 212.726.529 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nay Ngân hàng TMCP P yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T phải trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP P tính đến ngày 26/11/2021 số tiền 267.419.423 đồng, trong đó số tiền gốc là 184.400.000 đồng, lãi trong hạn là 37.842.532 đồng, lãi quá hạn là 33.706.431 đồng, lãi chậm trả là 11.470.460 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/11/2021 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông H và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu kê biên bán

đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 056/2016/BĐ ngày 02/6/2016 để thu hồi nợ.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà T thừa nhận vợ chồng bà có vay Ngân hàng TMCP P số tiền gốc 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 056/016/HĐTD-CN ngày 02/6/2016 như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, Ngân hàng xác định hiện tại vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng tiền gốc 184.400.000 đồng là bà không đồng ý, bà xác định vợ chồng bà đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc 132.000.000 đồng, hiện tại chỉ còn nợ tiền gốc là 168.000.000 đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 168.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 37.842.532 đồng, nợ lãi quá hạn là 33.706.431 đồng và đồng ý trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp vợ chồng bà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng thì bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết với Ngân hàng.

** Các đương sự còn lại đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên việc gửi thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ chưa đúng quy định; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P. Buộc ông H và bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 241.475.378 đồng (tiền gốc là 169.926.415 đồng, lãi trong hạn là 37.842.532 đồng, lãi quá hạn là 33.706.431 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P yêu cầu ông H và bà T trả số tiền gốc 14.473.585 đồng và tiền phạt chậm trả lãi 11.470.460 đồng.

Trường hợp ông H và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí thẩm định: ông H và bà T phải chịu.

Về án phí: Ông H và bà T phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng. Ngân hàng phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, ông H và bà T đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Ông H, anh B, chị Th, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo hợp đồng tín dụng khách hàng cá nhân số 056/016/HĐTD-CN ngày 02/6/2016, Ngân hàng TMCP P - Phòng giao dịch Phước Long đã cho ông H và bà T vay số tiền gốc 300.000.000 đồng, với mức lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ông H và bà T Ngân hàng TMCP P đã nhận đủ tiền vay theo khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 021/2017-QCB/KUNN-CN ngày 04/6/2016. Bà T cũng thừa nhận có vay tiền như Ngân hàng trình bày, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà T không thực hiện đúng việc thanh toán số tiền gốc và lãi cho phía ngân hàng theo như các bên đã thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng tín dụng mà đã ký kết. Vì vậy, ông H và bà T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông H và bà T phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Xét yêu cầu trả tiền gốc: Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng xác định ông H và bà T có trả cho Ngân hàng được số tiền gốc 115.600.000 đồng, tiền lãi 97.126.529 đồng, tổng cộng 212.726.529 đồng. Hiện ông H và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 184.400.000 đồng. Bà T cho rằng vợ chồng bà T đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 132.000.000 đồng, nhưng Ngân hàng không thừa nhận, ông H và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà T trả được số tiền gốc là 132.000.000đ.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết có thỏa thuận lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Do ông H và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông H và bà T phải trả tiền lãi trong hạn là 37.842.532 đồng, lãi quá hạn là 33.706.431 đồng theo thỏa thuận hợp đồng là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu trả tiền phạt chậm trả lãi là 11.470.460 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về

lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì đối với hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/01/2017 không quy định các bên được thỏa thuận tiền phạt chậm trả lãi, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP P yêu cầu ông H và bà T trả tiền phạt chậm trả lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H và bà T đã thanh toán số tiền phạt 14.473.585 đồng nên được đối trừ vào số tiền gốc theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[6] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay thì ông H và bà T có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 056/2016/BĐ ngày 02/6/2016, tài sản thế chấp bao gồm: Phần đất diện tích 1.307,9m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 30, tọa lạc ấp Mỹ II A, xã V, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 023146 do UBND huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị T; Phần đất diện tích 300,2m² đất ở tại nông thôn, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 30, tọa lạc ấp Mỹ II A, xã V, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 023147 do UBND huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị T. Hiện trạng trên đất gồm: Căn nhà do ông H và bà T đang sử dụng; Căn nhà do anh Lê Văn B đang sử dụng. Tại thời điểm thế chấp cũng như trong quá trình giải quyết vụ các thành viên trong hộ của ông Lê Thanh H không có ý kiến gì việc thế chấp, cũng như việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng. Bên cạnh đó, việc thế chấp này có chứng thực và đăng ký thế chấp hợp pháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Nay Ngân hàng TMCP P yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông H và bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P: Buộc ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền gốc là 169.926.415 đồng, lãi trong hạn là 37.842.532 đồng, lãi quá hạn là 33.706.431 đồng, tổng cộng 241.475.378 đồng. Đồng thời kể từ ngày 27/11/2021, ông H và bà T phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 056/2016/BĐ ngày 02/6/2016 đã ký kết để thu hồi nợ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T trả số tiền gốc 14.473.585 đồng và tiền phạt chậm trả lãi 11.470.460 đồng.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.431.620 đồng, ông H và bà T phải chịu. Ngân hàng TMCP P đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 3.431.620 đồng theo Phiếu thu số 59/2020/TB-TĐ ngày

16/7/2020 và Phiếu thu số 91/2021/TB-TĐ ngày 16/6/2021, đã chi hết. Ông H và bà T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền 3.431.620 đồng.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Ông H và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận là 12.073.000 đồng. Ngân hàng TMCP P phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận là 1.297.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 299, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P đối với ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T.

1.1. Buộc ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền gốc là 169.926.415 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/11/2021 lãi trong hạn là 37.842.532 đồng, lãi quá hạn là 33.706.431 đồng, tổng cộng 241.475.378 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày 27/11/2021 ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P.

1.2. Trường hợp ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 056/2016/BĐ ngày 02/6/2016 đã ký kết để thu hồi nợ gồm: Phần đất diện tích 1.307,9m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 30, tọa lạc ấp Mỹ II A, xã V, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 023146 do UBND huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị T; Phần đất diện tích 300,2m² đất ở tại nông thôn, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 30, tọa lạc ấp Mỹ II A, xã V, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

A0 023147 do UBND huyện Phước Long cấp ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị T. Hiện trạng trên đất gồm: Căn nhà thứ nhất ngang 05m, dài 7,5m + ngang 7,2m, dài 6,2m, diện tích 82,14, kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách xây tường 10cm, mái lợp tol sóng vuông, nền lót gạch bông do ông H và bà T đang sử dụng; Căn nhà thứ hai ngang 4,7m, dài 11m, diện tích 51,7m², kết cấu cột bê tông cốt thép, vách thiết, mái lợp tol xi măng, xây mặt cửa do anh Lê Văn B đang sử dụng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T trả số tiền gốc 14.473.585 đồng và tiền phạt chậm trả lãi 11.470.460 đồng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.431.620 đồng, ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T phải chịu. Ngân hàng TMCP P không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định chỗ. Ngân hàng TMCP P đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 3.431.620 đồng theo Phiếu thu số 59/2020/TB-TĐ ngày 16/7/2020 và Phiếu thu số 91/2021/TB-TĐ ngày 16/6/2021, đã chi hết. Ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP P 3.431.620 đồng.

4. Về án phí: Ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.073.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần P phải chịu án phí 1.297.000 đồng. Ngân hàng TMCP P đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 5.249.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009317 ngày 19/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí, Ngân hàng TMCP P được nhận lại số tiền 3.952.000 đồng .

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly